

Số: 02/2018/QĐ-HĐQT

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2018

**NGHỊ QUYẾT PHIÊN HỌP LẦN THỨ XII - NHIỆM KỲ III
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM
QUỐC GIA VIỆT NAM**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Kinh doanh Bảo hiểm và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động số 28GP/KDBH ngày 15/11/2004 và Giấy phép điều chỉnh số 28/GPĐC4/KDBH ngày 12/8/2014 của Bộ Tài chính;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam;
- Căn cứ các báo cáo và tờ trình của Ban Giám đốc, kết quả thảo luận và biểu quyết tại phiên họp Hội đồng quản trị lần thứ 12, nhiệm kỳ III ngày 22/3/2018;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Phê duyệt báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi công ty Deloitte Việt Nam và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

1.1. Phê duyệt báo cáo tài chính riêng năm 2017: Một số chỉ tiêu chính

- Tổng tài sản: 6.313.778.006.353 VND
- Vốn chủ sở hữu: 2.585.247.709.757 VND
- Dự phòng nghiệp vụ:
 - Dự phòng Nhượng TBH: 1.591.083.715.991 VND
 - Dự phòng Nhận TBH: 2.500.922.811.785 VND

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017 VND	KH 2017 VND	Thực hiện 2016 VND	So sánh 2017/KH	So sánh 2017/16
1. Doanh thu phí nhận TBH	1.651.205.993.827	1.635.000.000.000	1.655.557.770.806		
- Doanh thu phí nhận không bao gồm hoạt động thí điểm BHNN	1.651.471.980.448	1.635.000.000.000	1.655.557.770.806	101,0 %	99,8%
- Doanh thu phí nhận hoạt động thí điểm BHNN	(265.986.621)		0		
2. Phí giữ lại	586.786.416.338	532.000.000.000	561.523.389.013		
- Phí giữ lại không bao gồm hoạt động thí điểm BHNN	586.893.214.249	532.000.000.000	561.523.389.013	110,3%	104,5%

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017 VND	KH 2017 VND	Thực hiện 2016 VND	So sánh 2017/KH	So sánh 2017/16
- Phí giữ lại hoạt động thí điểm BHN	(106.797.911)		0		
3. Lợi nhuận hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác	233.042.254.147	225.000.000.000	213.464.863.990		
<i>Trong đó: Lợi nhuận từ chênh lệch tỷ giá không được phân phối</i>	<i>(1.559.226.438)</i>		<i>4.683.574.955</i>		
Lợi nhuận hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác không bao gồm CLTG	234.601.480.585	225.000.000.000	208.781.289.035	104,3%	112,4%
4. Lợi nhuận trước thuế <i>(Không bao gồm lợi nhuận từ chênh lệch tỷ giá không được phân phối)</i>	286.849.014.069	285.000.000.000	266.042.744.080	100,7%	107,8%
5. Tổng thu- Tổng chi không lương	337.914.066.184	324.000.000.000	309.936.142.633	104,3%	109,0%

Tổng công ty đã hoàn thành kế hoạch kinh doanh được giao.

1.2. Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017: Một số chỉ tiêu chính :

- Tổng tài sản: 6.448.645.012.061 VND
- Vốn chủ sở hữu: 2.718.874.672.180 VND
- Dự phòng nghiệp vụ:
 - Dự phòng Nhượng TBH: 1.591.083.715.991 VND*
 - Dự phòng Nhận TBH: 2.500.922.811.785 VND*

Điều 2: Phê duyệt phương án phân phối lợi tức năm 2017 và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua, nội dung chủ yếu như sau:

2.1 Các chỉ tiêu lợi nhuận thực hiện 2017:

Chỉ tiêu lợi nhuận	31/12/2017 (VND)
Lợi nhuận còn lại tại ngày 1/1/2017	302.266.542.258
- Lợi nhuận được phân phối	229.641.446.284
- Lợi nhuận không được phân phối (<i>chênh lệch tỷ giá</i>)	72.625.095.974
Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2017	233.852.647.190
- Lợi nhuận được phân phối	235.411.873.628
- Lợi nhuận không được phân phối (<i>chênh lệch tỷ giá</i>)	(1.559.226.438)

Lợi nhuận sau thuế lũy kế 31/12/2017	536.119.189.448
- Lợi nhuận được phân phối	465.053.319.912
- Lợi nhuận không được phân phối (<i>chênh lệch tỷ giá</i>)	71.065.869.536

2.2 Phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế 2017 trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn:

Phân phối lợi nhuận sau thuế 2017	(VND)
Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc (5% Lợi nhuận sau thuế)	11.770.593.681
Trích lập Quỹ phát triển kinh doanh (2% Lợi nhuận sau thuế)	4.708.237.473
Quỹ khen thưởng (1,5% Lợi nhuận sau thuế)	3.531.178.104
Quỹ Phúc lợi Tổng Công ty (01 tháng lương thực hiện)	3.805.632.872
Chi trả cổ tức năm 2017 (tỷ lệ 12%) (trong đó đã tạm ứng 10% cổ tức vào ngày 29/1/2018)	157.291.124.400
Lợi nhuận còn lại	355.012.422.918
- Lợi nhuận được phân phối	283.946.553.382
- Lợi nhuận không được phân phối (<i>chênh lệch tỷ giá</i>)	71.065.869.536

❖ Phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế liên quan đến việc trích lập các quỹ đã được ĐHĐCĐ chấp thuận tại Nghị quyết số 07/NQ-ĐHĐCĐ/2006 và sửa đổi một số điểm theo Nghị quyết số 08/NQ-ĐHĐCĐ/2008

❖ Tỷ lệ cổ tức năm 2017 dự kiến 12% và đã được ĐHĐCĐ phê chuẩn tại Nghị quyết số 07/2017/NQ-ĐHĐCĐ. Tỷ lệ cổ tức 2017 trình ĐHĐCĐ thông qua là 12%.

Điều 3: Phê duyệt thù lao (bao gồm cả thuế) của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, tổ thư ký Hội đồng quản trị năm 2017: 2.644.000.000 VND. (Mức chi đã được ĐHĐCĐ phê duyệt tại Nghị quyết số 06/2013/NQ-ĐHĐCĐ)

Điều 4:

4.1 Đồng ý chủ trương thoái vốn của VINARE tại PJICO.

4.2 Giao Tổng Giám đốc chủ động thực hiện kế hoạch thoái vốn đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và tối đa hóa lợi ích của VINARE.

Điều 5: Phê chuẩn kế hoạch kinh doanh năm 2018 bao gồm các chỉ tiêu chính như sau:

5.1 Kế hoạch kinh doanh chung:

<i>Đơn vị Tr. VND</i>			
Chỉ tiêu	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2017	Tăng trưởng
Doanh thu phí nhận	1.770.000	1.651.742	7,2%

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2017	Tăng trưởng
Phí giữ lại	677.000	586.893	15,4%
Lợi nhuận trước thuế	308.000	285.290	7,9%
- Chênh lệch tỷ giá (CLTG)	(chưa xác định)	(1.559)	
- Lợi nhuận không bao gồm CLTG	308.000	286.849	
Tổng thu – Tổng chi không lương	358.000	338.000	5,9%
Tỷ lệ cổ tức dự kiến	12%	12%	

5.2 Kế hoạch phân bổ tài sản đầu tư:

- Phê chuẩn kế hoạch phân bổ tài sản đầu tư năm 2018:

STT	Danh mục đầu tư	2018	2017	Tăng/ giảm trong năm	Tỷ trọng (31/12/2018)
1	Tiền gửi ngân hàng	2.222.000	2.180.000	+ 42.000	61,2%
2	Trái phiếu	370.000	270.000	+ 100.000	10,2%
3	Góp vốn cổ phần	645.445	655.445	- 10.000	17,8%
4	Chứng khoán, Chứng chỉ quỹ và Ủy thác đầu tư	305.000	275.500	+ 29.500	8,4%
5	Văn phòng cho thuê	9.600	10.983	- 1.383	0,3%
6	Bất động sản	13.304	13.304	0	0,4%
7	Tiền tài khoản thanh toán	65.000	65.003	0	1,8%
	Tổng cộng	3.630.349	3.470.235	+160.117	100,0%

- Giao Tổng Giám đốc chủ động tổ chức thực hiện hoạt động đầu tư theo dự kiến phân bổ tài sản nêu trên. Trong quá trình thực hiện, nếu cần thiết có sự thay đổi về phân bổ tài sản đầu tư so với dự kiến, Tổng Giám đốc chủ động giải quyết theo thẩm quyền và báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết các vấn đề trên phân cấp trên cơ sở chấp hành các qui định của pháp luật và các qui định của Tổng Công ty liên quan đến lĩnh vực này.

Điều 6: Thông qua Báo cáo giao dịch với bên có liên quan 2017 (báo cáo đính kèm).

Điều 7: Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT 2017 và Quý I/2018 (báo cáo đính kèm).

Điều 8: Nhất trí và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua đề xuất của Ban kiểm soát:

8.1 Thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập để lựa chọn sử dụng kiểm toán năm 2018, bao gồm các công ty sau:

- a. Công ty TNHH KPMG Việt nam
- b. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
- c. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E & Y)
- d. Công ty Pricewaterhouse Coopers (PWC)

8.2 Ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn 01 công ty kiểm toán độc lập trong danh sách đã phê duyệt để sử dụng kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.

Điều 9:

9.1 Hội đồng quản trị đã có Quyết định số 01/2018/QĐ-HĐQT thông qua việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 vào ngày 19/4/2018 với các nội dung họp như sau:

- Phê chuẩn việc điều chỉnh kế hoạch kinh doanh 2017 (đã được Hội đồng quản trị nhất trí thông qua và trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tại Quyết định số 15/2017/QĐ-HĐQT)
- Báo cáo kết quả kinh doanh 2017 và kế hoạch kinh doanh 2018
- Phê chuẩn phương án phân phối lợi tức sau thuế, chi trả cổ tức năm 2017
- Phê chuẩn thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thư ký năm 2017
- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017
- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017
- Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập năm 2018
- Nội dung khác (nếu có)

9.2 Hội đồng quản trị ủy quyền Chủ tịch Hội đồng quản trị phê chuẩn các tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 và giải quyết các công việc phát sinh khác liên quan đến việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018.

Điều 10: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng công ty và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch HĐQT
- HĐQT, BKS, BGĐ
- Lưu: Thư ký HĐQT, TH, ĐT

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Song Lai